

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2019



Quỹ đầu tư Giá trị MB Capital

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	2
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	3 - 12
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	13 - 15
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	16 - 17
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	18 - 19
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	20 - 21
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	22
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	23
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	24 - 25
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	26 - 57

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital (“Quỹ”) được thành lập ngày 25 tháng 4 năm 2014 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183/2011/TT-BTC và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 16/GCN-UBCK ngày 5 tháng 3 năm 2014. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 25 tháng 4 năm 2014, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ được Đại hội nhà đầu tư thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2014 và sửa đổi bổ sung lần gần nhất ngày 5 tháng 4 năm 2019.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 54.423.600.000 VND, tương đương với 5.442.360,00 chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 103.349.090.800 VND, tương đương với 10.334.909,08 chứng chỉ quỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 326.663.834.800 VND, tương đương với 32.666.383,48 chứng chỉ quỹ).

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại tầng 8, số 3 Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/UBCK-GPĐCQLQ do UBCKNN cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 06/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 2 năm 2015.

Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực, và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ là ông Phan Phương Anh, Tổng giám đốc Công ty Quản lý Quỹ.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam).

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện của Quỹ trong kỳ và tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Lê Văn Bé	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2017
Ông Lương Văn Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2017
Bà Lê Hoàng Yến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2014

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital ("Quỹ") trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB ("CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ") ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư MB chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, tình hình đầu tư giữa niên độ, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ trong kỳ phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.


Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết với Ban Đại diện Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Theo ý kiến của Ban Đại diện Quỹ, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và tình hình đầu tư giữa niên độ của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Lê Văn Bé
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 7 năm 2019

001
TỶ
1
OU
AM
ÁNH
ỘI
-T.S

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1.1 Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu chính của Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital ("Quỹ") là đầu tư trung và dài hạn vào các doanh nghiệp nhằm đạt hiệu quả đầu tư tối ưu từ cổ tức và sự tăng giá gắn liền với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đã được soát xét, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ là -68,82% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu kỳ báo cáo; thay đổi NAV trên 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ ("CCQ") của Quỹ là -1,45% so với giá trị đầu kỳ báo cáo.

1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

1.3.1 Chiến lược đầu tư

Để đạt được mục tiêu đã đề ra, Quỹ sẽ sử dụng mô hình và chiến lược đầu tư giá trị, theo đó:

- ▶ Quỹ sẽ nhắm tới các doanh nghiệp được niêm yết trên sàn, có chính sách và có khả năng chi trả cổ tức tốt, có thị giá thấp hơn nhiều so với giá trị định giá theo các mô hình định lượng cơ bản;
- ▶ Quỹ hướng tới việc phân bổ danh mục với mục tiêu tối ưu hóa tỷ suất cổ tức kỳ vọng trên thị giá của toàn danh mục;
- ▶ Quỹ cũng hướng tới việc quản lý theo cơ chế minh bạch và chủ động, thông qua việc xây dựng hệ thống tiêu chí giới hạn của riêng mình và các hoạt động đánh giá định kỳ, chủ động của Hội đồng Đầu tư.

1.3.2 Lĩnh vực, ngành nghề dự kiến đầu tư

Với chiến lược đầu tư giá trị, cơ cấu danh mục đầu tư theo ngành nghề của Quỹ sẽ thay đổi theo thời gian tùy vào những biến động và cơ hội xuất hiện trên thị trường.

Dự kiến lĩnh vực đầu tư của Quỹ sẽ tập trung vào nhưng không giới hạn ở những ngành nghề sau với tỷ trọng phân bổ theo các nhóm ngành không vượt quá những hạn chế đầu tư theo quy định hiện hành. Các ngành nghề bao gồm:

- | | |
|---------------------------------|-------------------------------|
| - Ngân hàng - Dịch vụ tài chính | - Hàng tiêu dùng |
| - Thực phẩm - Nước giải khát | - Bảo hiểm |
| - Vật liệu - Khai khoáng | - Hàng hóa công nghiệp |
| - Cơ sở hạ tầng - Bất động sản | - Dược phẩm |
| - Tiện ích công cộng | - Vận tải |
| - Năng lượng | - Dịch vụ |
| - Bán lẻ | - Dệt may - Thiết bị phụ tùng |

1.3.3 Các loại tài sản được phép đầu tư

Tài sản được lựa chọn để đầu tư bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- ▶ Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;
- ▶ Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan và được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;
- ▶ Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ (tiếp theo)

1.3.3 Các loại tài sản được phép đầu tư (tiếp theo)

- ▶ Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- ▶ Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành: có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch và đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
- ▶ Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
- ▶ Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

1.4 Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở.

1.5 Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Nhà đầu tư vào Quỹ có thể dễ dàng bán lại chứng chỉ quỹ cho Quỹ vào các ngày giao dịch định kỳ. Tuy nhiên, nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ trong thời gian ngắn sẽ chịu mức phí mua lại được quy định trong Bản cáo bạch của Quỹ. Vì vậy, tùy thuộc vào thị trường, nhu cầu của nhà đầu tư mà nhà đầu tư có thể tự quyết định thời gian đầu tư vào Quỹ.

1.6 Mức độ rủi ro ngắn hạn

Chiến lược đầu tư của Quỹ tập trung đầu tư vào thị trường cổ phiếu, trong đó chú trọng vào cơ hội đầu tư giá trị, có mức độ rủi ro trung bình. Bên cạnh đó, rủi ro của danh mục đầu tư sẽ được giảm thiểu bằng việc phân bổ danh mục đa dạng phù hợp với chiến lược đầu tư của Quỹ. Đây là ưu điểm so với các khoản vốn nhỏ, lẻ không thể đa dạng hóa danh mục được.

1.7 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ Đầu tư giá trị MB Capital được thành lập ngày 25 tháng 4 năm 2014 theo Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

1.8 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 103.349.090.800 VND, tương đương với 10.334.909,08 chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ là 147.697.764.103 VND.

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

1.9 Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

1.10 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trước khi trả hết số lợi nhuận đã định. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận phải được sự chấp thuận trước của Đại hội nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định).

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, giá dịch vụ, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư.

1.11 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

2.1 Cơ cấu tài sản của Quỹ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Danh mục chứng khoán	73,04%	80,19%	51,56%
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	26,61%	17,15%	48,29%
Các tài sản khác	0,35%	2,66%	0,15%
	100,00%	100,00%	100,00%

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	147.697.764.103	684.223.528.603	329.752.704.884
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	10.334.909,08	47.775.812,61	24.867.806,46
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ (CCQ)	14.291	14.322	13.260
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	15.673	14.758	13.260
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	14.264	13.916	12.152
Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	-1,45%	0,18%	7,05%
- Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
- Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	-142,99%	-20,82%	-12,43%
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Ngày chốt quyền	Chưa phân phối	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	2,27%	1,97%	2,92%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	58,01%	49,13%	54,91%

2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
1 năm đến thời điểm báo cáo	-0,22%	-0,22%
3 năm đến thời điểm báo cáo	22,67%	7,05%
Từ khi thành lập báo cáo	49,91%	8,66%

Từ ngày 25 tháng 4 năm 2014 đến ngày 2 tháng 4 năm 2015, NAV/CCQ đã được điều chỉnh cổ tức 7% (700 VND/CCQ)

2.4 Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	-1,45%	0,18%	7,05%	6,38%

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

GDP 6 tháng đầu năm 2019 tăng 6,76%. Khu vực công nghiệp và xây dựng và khu vực dịch vụ tiếp tục có mức tăng trưởng cao nhất. Trong khi đó khu vực nông nghiệp cũng có sự tăng trưởng khá tốt so với cùng kỳ 2018.

Cũng theo số liệu công bố, CPI bình quân 6 tháng tăng 2,64% so với bình quân cùng kỳ năm 2018, tương đương với mức tăng 1,41% so với đầu năm. Trên góc độ tổng quan, việc tăng giá điện đã gây áp lực lên CPI nhưng nhờ sự suy giảm của giá dầu so với năm trước, CPI vẫn duy trì được ở mức thấp.

Tổng cục Hải quan thông báo, tổng trị giá xuất khẩu 6 tháng ước đạt gần 122,72 tỷ USD, tăng 7,3% so với cùng kỳ và tổng trị giá nhập khẩu ước đạt 122,76 tỷ USD, tăng 10,5%, nhập siêu của Việt Nam trong 6 tháng năm 2019 đạt 40 triệu USD, bằng xấp xỉ 0,03% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Sau xu hướng đi ngang trong quý I khi chưa có các thông tin mới về chiến tranh thương mại, việc tổng thống Trump nâng mức thuế lên 25% cho 250 tỷ đô hàng hóa và đe dọa đánh thuế tiếp 300 tỷ đô hàng hóa đã khiến tỷ giá USD/VND tăng mạnh và đạt mức đỉnh vào tháng 5. Tuy nhiên, các thông tin hòa hoãn sau đó và việc FED cân nhắc cắt giảm lãi suất đã khiến tỷ giá này hạ nhiệt và đảo chiều trong tháng 6. Tính chung 6 tháng đầu năm, tỷ giá trung tâm đã tăng khoảng 1,1% so với đầu năm, hoàn thành mục tiêu kiểm soát tỷ giá tăng không quá 2% Ngân hàng Nhà nước đã đặt ra từ đầu năm, đánh dấu một năm tiếp tục điều hành thị trường ngoại hối thành công, dù đã có những thời điểm thị trường chịu không ít áp lực và có những nghi ngờ nhà điều hành sẽ khó kìm cương tỷ giá. Mức mất giá của VND thấp hơn đáng kể so với đồng tiền của nhiều quốc gia trong khu vực, cho thấy NHNN đã kịp thời điều hành tỷ giá trung tâm linh hoạt, điều tiết thanh khoản, lãi suất tiền VND hợp lý tạo sự ổn định, niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài đối với Việt Nam và xuất khẩu của Việt Nam vẫn được hưởng lợi.

Chốt phiên cuối cùng của tháng 6, VN-Index đã tăng 57,4 điểm (+6,43%) so với cuối tháng 12 năm 2018 và đứng ở mức 949,54 điểm. Trong khi đó, HNX-Index vẫn còn giảm nhẹ 0,72 điểm (-0,69%) ở mức 103,51 điểm. Thị trường trong 6 tháng đầu năm 2019 tăng điểm sau khi giảm mạnh trong năm 2018. Nguyên nhân của sự tăng trưởng này là nhờ sự vận động tích cực của các cổ phiếu vốn hóa lớn làm trụ đỡ cho thị trường, bên cạnh đó là sự phục hồi rất tích cực của thị trường chứng khoán thế giới.

Trong 6 tháng đầu năm 2019, thanh khoản bình quân 2 sàn đạt 4.327 tỷ đồng/ phiên giảm 31,89% so với trung bình năm 2018.

Trong 6 tháng 2019, khối ngoại mua ròng trên sàn HSX 10.143 tỷ đồng với 183 cổ phiếu được mua ròng và 191 cổ phiếu bị bán ròng, bán ròng 310 tỷ đồng trên sàn HNX với 172 cổ phiếu bị bán và 114 cổ phiếu được mua.

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	-82,42%	-34,70%	23,82%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	1,92%	12,54%	7,27%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	-0,22%	22,67%	49,91%
Tăng trưởng hàng năm (%)/1 đơn vị CCQ	-0,22%	7,05%	8,66%

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất:

Thống kê NAV

Zoom 1m 3m 6m 1y All



Thay đổi giá trị tài sản ròng

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	147.697.764.103	684.223.528.603	-78,41%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	14.291	14.322	-0,22%

Thị trường chứng khoán biến động theo chiều hướng xấu vào nửa cuối năm 2018 và đầu năm 2019 dẫn tới sự biến động giảm (0,22%) giá trị tài sản ròng ("NAV") trên một chứng chỉ quỹ của Quỹ. Việc huy động vốn của Quỹ gặp nhiều khó khăn và nhà đầu tư bán ròng chứng chỉ quỹ với số lượng lớn nên quy mô giá trị tài sản ròng của quỹ bị giảm 78,41% so với cùng kỳ năm ngoái.

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

4.2 Thống kê về nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo:

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	150	178.185,95	1,72%
Từ 5.000 đến 10.000	39	276.494,57	2,68%
Từ 10.000 đến 50.000	72	1.602.878,43	15,51%
Từ 50.000 đến 500.000	47	6.975.233,70	67,49%
Trên 500.000	2	1.302.116,43	10,75%
	310	10.334.909,08	100,00%

5. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Trong năm 2019, kinh tế thế giới được dự báo sẽ giảm tốc, trong đó thương mại toàn cầu sẽ tiếp tục xu hướng giảm, giá hàng hóa biến động không nhiều và xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ vẫn tiếp tục diễn ra ở các nước phát triển nhưng sẽ thận trọng hơn.

Tăng trưởng GDP của Việt Nam cũng sẽ bị ảnh hưởng một phần từ kinh tế thế giới, tuy nhiên nhiều khả năng vẫn sẽ duy trì tăng trưởng ở mức tương đối cao do Việt Nam được hưởng lợi từ xu hướng dịch chuyển sản xuất từ Trung Quốc cũng như triển vọng từ các hiệp định thương mại mới như CPTPP hay EVFTA.

Áp lực lạm phát năm 2019 là không cao do giá hàng hóa thế giới được dự báo chỉ tăng nhẹ, trong khi đó nhóm thực phẩm và giao thông vốn có ảnh hưởng lớn lên CPI đã tăng khá mạnh trong năm 2018 sẽ giúp hạn chế lạm phát nếu duy trì ổn định trong năm 2019.

Tỷ giá được kỳ vọng sẽ không tăng nhiều, ở mức dưới 2% do FED nhiều khả năng sẽ thận trọng hơn trong việc tăng lãi suất và đồng USD được dự báo sẽ suy yếu sau khi tăng mạnh trong năm 2018.

Do áp lực từ tỷ giá và lạm phát không cao, lãi suất dự báo sẽ chỉ tăng nhẹ khoảng 0,5% trong năm 2019.

Dự báo thị trường chứng khoán 6 tháng cuối năm 2019

Sau nhịp điều chỉnh trong quý 2 năm 2019, mặt bằng định giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam đã trở nên hấp dẫn hơn. Do đó, nhiều khả năng thị trường sẽ có sự phục hồi trong phần còn lại của năm 2019. Tuy nhiên, do dòng tiền cũng như tâm lý nhà đầu tư vẫn còn khá yếu, sự hồi phục có thể diễn ra phân hóa và tập trung nhiều ở các cổ phiếu có kết quả kinh doanh năm 2019 tích cực.

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

6. THÔNG TIN KHÁC

Đội ngũ quản lý Quỹ

Ông Giang Trung Kiên

Giám đốc Đầu tư

Ông Giang Trung Kiên có trên 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng – Đầu tư. Trước khi gia nhập MB Capital trong vai trò Giám đốc Phân tích, ông Kiên là Giám đốc Phân tích đầu tư của Công ty Chứng khoán FPT và chuyên viên cao cấp phòng Dự án của Ngân hàng Công thương Việt Nam. Ông Kiên có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh của trường Đại học Deakin (Melbourne, Australia) và chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

Ông Kiên được bổ nhiệm làm Giám Đốc điều hành quỹ MBVF vào ngày 28 tháng 6 năm 2019 thay thế cho Ông Nguyễn Đức Hải.

Ông Ngô Long Giang

Giám đốc Đầu tư

Trước khi gia nhập MB Capital năm 2010, ông Ngô Long Giang có gần 10 năm học tập và làm việc tại Mỹ. Ông từng làm Chuyên gia tư vấn tài chính tại công ty Wells Fargo, một trong những công ty tài chính lớn nhất của Mỹ, chuyên tư vấn về kế hoạch tài chính, chiến lược tài chính, quản lý danh mục đầu tư, quản lý tài sản cho các cá nhân và doanh nhân. Ông Giang tốt nghiệp đại học Kinh tế Quốc dân (Việt Nam) và có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh của trường ĐH California (Mỹ)

Ông Nguyễn Đức Hải

Phó Tổng Giám đốc

Ông Hải có trên 13 năm kinh nghiệm phân tích và đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Trước khi gia nhập MB Capital năm 2007, ông Hải làm việc tại Công ty Chứng khoán Mekong. Tại MB Capital, ông Hải có nhiều năm giữ chức vụ Giám đốc Quản lý Danh mục đầu tư, sau đó là Giám đốc Đầu tư chịu trách nhiệm quản lý các danh mục đầu tư, quỹ đầu tư cho các nhà đầu tư tổ chức. Ông Hải được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc MB Capital từ tháng 11 năm 2015. Ông Hải tốt nghiệp Học Viện Ngân hàng (2004), và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Quốc tế của trường Đại học Quốc gia Hà Nội (2007).

Ông Hải đã thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc và phụ trách điều hành Quỹ MBVF từ ngày 28 tháng 6 năm 2019.

Ban Đại diện Quỹ

Ông Lê Văn Bé

Chủ tịch Ban Đại diện

Ông Lê Văn Bé là một trong những sáng lập viên của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội ("MB") và nguyên là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc của MB. Ông cũng nguyên là Chủ tịch Hội Đồng Quản trị của MB Capital từ năm 2006 đến năm 2012. Với hơn 30 năm kinh nghiệm và am hiểu sâu sắc lĩnh vực tài chính ngân hàng và đầu tư tại Việt Nam, ông Bé đã góp công lớn trong việc xây dựng MB trở thành một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu Việt Nam.

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

6. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Ban Đại diện Quỹ (tiếp theo)

Ông Lương Văn Trung

Thành viên Ban Đại diện

Ông Lương Văn Trung có hơn 19 năm hoạt động trong lĩnh vực tư vấn luật và quản lý quỹ đầu tư. Ông Trung từng là thành viên và là Luật sư quản lý của Bross & Partner văn phòng chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, Trưởng phòng Pháp lý công ty British America Tobacco (Vietnam), Luật sư và Giám đốc phụ trách tuân thủ công ty Manulife Vietnam và Công ty Quản lý Quỹ Manulife Vietnam, Trưởng Đại diện và Giám đốc Pháp lý của Công ty Saigon Asset Management (SAM). Từ tháng 4 năm 2016, ông Trung là luật sư Công ty Lexcomm Vietnam LLC.

Ông Lương Văn Trung tốt nghiệp Đại học Luật Hà Nội, chuyên ngành Pháp luật kinh tế năm 1998, và trường College of Law (Vương quốc Anh) chuyên ngành Luật năm 2005.

Bà Lê Hoàng Yến

Thành viên Ban Đại diện

Bà Lê Hoàng Yến có hơn 16 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán, tài chính. Bà Lê Hoàng Yến đã từng có thời gian làm việc tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng và công tác tại phòng Tài chính, Kế toán và phòng Treasury của Ngân hàng ING (Hà Lan). Bà Yến hiện đang phụ trách tài chính, vốn và nguồn vốn tại Công ty NTT Việt Nam (là một công ty thuộc tập đoàn NTT của Nhật Bản). Bà Yến đã trở thành thành viên của Hiệp hội kế toán Anh (ACCA) vào tháng 3 năm 2012.

Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ

Ông Phan Phương Anh

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Ông Phan Phương Anh có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng, Chứng khoán và Đầu tư tại Việt Nam, và là một trong những thành viên sáng lập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB. Trước khi thành lập MB Capital, ông Phan Phương Anh từng nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội như: Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp, Giám đốc Khối Ngân quỹ và Ngoại hối, Thành viên Ủy ban ALCO. Dưới sự điều hành của ông, MB Capital đã trở thành một trong những công ty Quản lý Quỹ năng động nhất tại Việt Nam. Ông Phan Phương Anh cũng đang là Thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội ("MIC") và Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Gas Petrolimex – CTCP ("PGC"). Ông Phan Phương Anh có bằng Thạc sỹ chuyên ngành Ngân hàng và Tài chính của trường Đại học Kinh tế Quốc dân (Việt Nam).

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

6. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

Bà Trương Thị Hương Trà

Phó Tổng Giám đốc

Bà Trương Thị Hương Trà có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và chứng khoán. Bà Trà làm việc tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội từ năm 1998 và gia nhập MB Capital từ năm 2006 với vai trò Giám đốc Phát triển Kinh doanh và sau đó là Giám đốc Dịch vụ khách hàng. Bà Trà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc của MB Capital từ tháng 4 năm 2016. Bà Trà có bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh trường Đại học California Miramar, Mỹ.

Ông Nguyễn Đức Hải

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Hải có trên 13 năm kinh nghiệm phân tích và đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Trước khi gia nhập MB Capital năm 2007, ông Hải làm việc tại Công ty Chứng khoán Mekong. Tại MB Capital, ông Hải có nhiều năm giữ chức vụ Giám đốc Quản lý Danh mục đầu tư, sau đó là Giám đốc Đầu tư chịu trách nhiệm quản lý các danh mục đầu tư, Quỹ đầu tư cho các nhà đầu tư tổ chức. Ông Hải được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc MB Capital từ tháng 11 năm 2015. Ông Hải tốt nghiệp Học viện Ngân hàng (2004), và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Quốc tế của trường Đại học Quốc gia Hà Nội (2007).

Ông Hải đã thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư MB từ ngày 28 tháng 6 năm 2019.

Bà Đoàn Kim Dung

Giám đốc Tài chính

Bà Dung có trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, tài chính. Bà Dung làm việc tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội trong hơn 10 năm và từng giữ các chức vụ như Phó Phòng Kế toán Hội sở, Trưởng phòng Kế toán Chi nhánh Điện Biên Phủ – chi nhánh lớn nhất hệ thống Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội. Năm 2006, bà Dung được bổ nhiệm làm Giám Đốc Tài Chính kiêm Kế toán trưởng của MB Capital. Bà Dung tốt nghiệp Học viện Tài chính (Việt Nam) năm 1995.



Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 7 năm 2019

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Giá Trị MB Capital (“Quỹ”). Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật có liên quan, cụ thể như sau:

➤ Theo Mục b, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) ngày 20 tháng 01 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Điều 9, Điều lệ Quỹ quy định: “Công ty Quản lý Quỹ không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản sau: tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành; chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro; được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau.” Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Từ kỳ định giá ngày 21 tháng 03 năm 2019 đến kỳ định giá ngày 18 tháng 04 năm 2019, tỷ lệ khoản đầu tư vào một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng hạn mức đầu tư chậm nhất ngày 21 tháng 06 năm 2019. Tại kỳ định giá ngày 25 tháng 04 năm 2019, Công ty Quản lý Quỹ đã điều chỉnh lại danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật hiện hành.

Từ kỳ định giá ngày 25 tháng 04 năm 2019 đến tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ Mục b, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điều 9, Điều Lệ Quỹ.

➤ Theo Mục c, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điều 9, Điều lệ Quỹ quy định: “Công ty Quản lý Quỹ không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi.”

Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited
Head Office

P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark,
E6 Phạm Hùng, Mễ Trì Ward,
South Tu Liem District, Hanoi

Tel : (84 24) 3936 8000
Fax: (84 24) 3837 8356
Swift: SCBLNVX

Here for good



61714.
GÂN HÀ
NHÌEM HỮ
THÀNH V
DARD CHAR
VIỆT NAM
T. LIÊM - T.

14.
HÀM
M HŨ
NH V
HART
NAM
A-T.

14.
HÀM
M HỮ
NH V
HARI
NAM
A-T.

14.
HÀM
M HỮ
NH V
HARI
NAM
A-T.

14.
HÀM
M HỮ
NH V
HARI
NAM
A-T.

14.
HÀM
M HỮ
NH V
HARI
NAM
A-T.

14.
HÀM
M HỮ
NH V
HARI
NAM
A-T.

14.
HÀM
M HỮ
NH V
HARI
NAM
A-T.

14.
HÀM
M HỮ
NH V
HARI
NAM
A-T.

14.
HÀM
M HỮ
NH V
HARI
NAM
A-T.

14.
HÀM
M HỮ
NH V
HARI
NAM
A-T.

14.
HÀM
M HỮ
NH V
HARI
NAM
A-T.

14.
HÀM
M HỮ
NH V
HARI
NAM
A-T.

- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Vũ Hương Giang

Phó phòng Nghiệp vụ Dịch vụ Chứng khoán

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT



Trương Thị Hoàng Yến

Nhân viên Bộ phận Giám sát



Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited
Head Office

P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark,
E6 Pham Hung, Me Tri Ward,
South Tu Liem District, Hanoi

Tel : (84 24) 3936 8000
Fax: (84 24) 3837 8356
Swift: SCBLNVX

Here for good

Số tham chiếu: 61519139/21259023-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Nhà đầu tư
Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital ("Quỹ"), được lập ngày 30 tháng 7 năm 2019 và được trình bày từ trang 18 đến trang 57, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB, là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành công tác soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ và tình hình đầu tư giữa niên độ của Quý tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Quý cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 18 tháng 2 năm 2019. Đồng thời, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quý cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 cũng được doanh nghiệp kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính giữa niên độ đó vào ngày 10 tháng 8 năm 2018.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 7 năm 2019

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		13.303.770.087	3.659.968.945
02	1.1. Cổ tức được chia	7	5.378.710.000	14.554.348.400
03	1.2. Tiền lãi được nhận	7	1.182.123.287	8.412.386.492
04	1.3. Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư	5	(12.866.453.949)	18.184.083.650
05	1.4. Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	6	19.609.390.749	(37.490.849.597)
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		421.930.471	860.439.089
11	2.1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	8	421.930.471	860.439.089
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		2.456.430.940	5.277.067.779
20.1	3.1. Phí quản lý quỹ mở		1.882.566.564	4.596.855.311
20.2	3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ mở		157.415.823	201.380.778
20.3	3.3. Phí dịch vụ giám sát		105.600.000	121.891.360
20.4	3.4. Phí dịch vụ quản trị quỹ mở		112.558.127	151.850.105
20.5	3.5. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		66.000.000	52.800.000
20.8	3.6. Chi phí kiểm toán		43.638.356	43.638.356
20.10	3.7. Chi phí hoạt động khác	9,10	88.652.070	108.651.869
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		10.425.408.676	(2.477.537.923)
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	-

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		10.425.408.676	(2.477.537.923)
31	6.1. Lợi nhuận đã thực hiện		(9.183.982.073)	35.013.311.674
32	6.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		19.609.390.749	(37.490.849.597)
40	VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		10.425.408.676	(2.477.537.923)

Người lập:



Bà Đặng Thị Hồng Hạnh
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Đoàn Kim Dung
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 7 năm 2019

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND
	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	11	39.396.250.314	170.047.549.977
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ mở		396.250.314	3.547.549.977
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		39.000.000.000	166.500.000.000
120	2. Các khoản đầu tư thuần	12	108.118.729.300	303.655.645.500
121	2.1 Các khoản đầu tư		108.118.729.300	303.655.645.500
130	3. Các khoản phải thu	13	512.072.055	1.088.745.462
131	3.1 Phải thu bán các khoản đầu tư		-	744.416.697
133	3.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		512.072.055	344.328.765
136	3.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		512.072.055	344.328.765
100	TỔNG TÀI SẢN		148.027.051.669	474.791.940.939
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư	14	-	294.441.000
313	2. Phải trả cho các đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		100.000	-
316	3. Chi phí phải trả	15	92.597.260	44.000.000
319	4. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	16	236.590.306	710.669.829
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		329.287.566	1.049.110.829
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		147.697.764.103	473.742.830.110
411	1. Vốn góp của nhà đầu tư	17	103.349.090.800	326.663.834.800
412			1.016.926.252.60	1.012.630.227.10
	1.1 Vốn góp phát hành		0	0
413	1.2 Vốn góp mua lại		(913.577.161.800)	(685.966.392.300)
414	2. Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư		(28.564.958.815)	84.590.771.868
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	18	72.913.632.118	62.488.223.442
	3.1 Lợi nhuận đã thực hiện		92.601.842.912	101.785.824.985
	3.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(19.688.210.794)	(39.297.601.543)
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		14.291	14.502

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND
440	V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ		4.515.227.682	4.515.227.682
	1. Lợi nhuận/Tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư trong kỳ		-	-
	2. Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư lũy kế kể từ khi thành lập Quỹ mở đến kỳ lập báo cáo		4.515.227.682	4.515.227.682

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính : chứng chỉ quỹ

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
004	Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	10.334.909,08	32.666.383,48

Người lập:

Bà Đặng Thị Hồng Hạnh
Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Đoàn Kim Dung
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 7 năm 2019

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

STT	CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND
I	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	473.742.830.110	377.650.571.595
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ	10.425.408.676	(2.477.537.923)
	<i>Trong đó:</i>		
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ mở trong kỳ	10.425.408.676	(2.477.537.923)
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do phân chia lợi nhuận/tài sản của quỹ mở cho nhà đầu tư trong kỳ	-	-
III	Thay đổi giá trị tài sản ròng do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ quỹ (III = III.1 – III.2)	(336.470.474.683)	309.050.494.931
1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	6.316.200.000	501.349.165.056
2	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	342.786.674.683	192.298.670.125
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ (IV = I + II + III)	147.697.764.103	684.223.528.603

Người lập:

Bà Đặng Thị Hồng Hạnh
Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Đoàn Kim Dung
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 7 năm 2019

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

STT	CHỈ TIÊU	Mã cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ Tổng giá trị tài sản của Quỹ %
I	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT VÀ UPCOM					
1	Tổng Công ty Viglacera - CTCP	VGC	1.749.400	20.350	35.600.290.000	24,05%
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	ACB	1.106.650	28.900	31.982.185.000	21,61%
3	Công ty Cổ phần FPT	FPT	183.315	45.500	8.340.832.500	5,63%
4	Tổng công ty IDICO - Công ty Cổ phần	IDC	415.000	19.700	8.175.500.000	5,52%
5	Công ty Cổ phần Sông Đà 10	SDT	1.513.600	4.200	6.357.120.000	4,29%
6	Tổng Công ty Gas Petrolimex-CTCP	PGC	406.882	14.900	6.062.541.800	4,10%
7	Công ty cổ phần Supe Phot phát và Hóa chất Lâm Thao	LAS	830.400	6.900	5.729.760.000	3,87%
8	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW	280.000	15.200	4.256.000.000	2,88%
9	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	REE	20.000	31.750	635.000.000	0,43%
10	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	CTG	20.000	19.500	390.000.000	0,26%
11	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	HPG	13.000	23.500	305.500.000	0,21%
12	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP	KBC	20.000	14.200	284.000.000	0,19%
	Tổng cộng				108.118.729.300	73,04%
IV	CÁC TÀI SẢN KHÁC					
1	Phải thu cổ tức				456.620.000	0,31%
2	Phải thu lãi tiền gửi				55.452.055	0,04%
	Tổng cộng				512.072.055	0,35%
V	TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN					
1	Tiền gửi không kỳ hạn				396.250.314	0,27%
2	Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng				39.000.000.000	26,35%
	Tổng cộng				39.396.250.314	26,61%
VI	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC				148.027.051.669	100,00%

Người lập:

Bà Đặng Thị Hồng Hạnh
Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Đoàn Kim Dung
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 7 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND</i>
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
01	1. Tiền đã chi mua các khoản đầu tư		(39.797.561.000)	(511.058.626.500)
02	2. Tiền đã thu từ bán các khoản đầu tư		242.528.949.000	136.064.501.500
03	3. Cổ tức đã nhận		4.921.799.416	13.792.845.588
04	4. Tiền lãi đã thu		1.470.999.997	6.443.221.786
06	5. Tiền chi trả phí cho hoạt động Quỹ mở		(2.881.622.619)	(4.732.170.167)
08	6. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các khoản đầu tư (phí môi giới, phí chuyển tiền)		(423.489.774)	(862.447.214)
09	7. Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư		-	2.679.450.000
10	8. Tiền chi khác từ hoạt động đầu tư		-	(2.680.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		205.819.075.020	(360.353.225.007)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
21	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ mở		6.316.300.000	502.836.214.047
22	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ mở		(342.786.674.683)	(169.853.382.847)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(336.470.374.683)	332.982.831.200
40	III. Giảm tiền thuần trong kỳ		(130.651.299.663)	(27.370.393.807)
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		170.047.549.977	149.077.639.127
51	1. Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ		170.047.549.977	149.077.639.127
52	Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền		170.047.549.977	149.077.639.127

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	11	39.396.250.314	121.707.245.320
56	1. Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		39.396.250.314	121.707.245.320
57	Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền		39.396.250.314	121.707.245.320
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		(130.651.299.663)	(27.370.393.807)

Người lập:



Bà Đặng Thị Hồng Hạnh
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Đoàn Kim Dung
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 7 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital ("Quỹ") được thành lập ngày 25 tháng 4 năm 2014 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 16/GCN-UBCK ngày 5 tháng 3 năm 2014. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 25 tháng 4 năm 2014, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ được Đại hội nhà đầu tư thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2014 và sửa đổi bổ sung lần gần nhất ngày 5 tháng 4 năm 2019.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 54.423.600.000 VND, tương đương với 5.442.360,00 chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 103.349.090.800 VND, tương đương với 10.334.909,08 chứng chỉ quỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 326.663.834.800 VND, tương đương với 32.666.383,48 chứng chỉ quỹ).

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại tầng 8, số 3 Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/UBCK-GPĐCQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 06/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 2 năm 2015.

Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực, và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ là ông Phan Phương Anh, Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam).

Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital ("Quỹ") là đầu tư trung và dài hạn vào các doanh nghiệp nhằm đạt hiệu quả đầu tư tối ưu từ cổ tức và sự tăng giá gắn liền với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào thứ Năm hàng tuần và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo cho việc định giá để làm báo cáo tháng/quý/năm theo luật định.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ được giao dịch định kỳ vào ngày thứ Năm hàng tuần trong tháng. Nếu ngày giao dịch chứng chỉ quỹ định kỳ nêu trên trùng vào ngày nghỉ lễ thì Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo trước về ngày giao dịch kế tiếp và thời điểm đóng sổ lệnh chi tiết trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

Hạn chế đầu tư

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo:

- ▶ Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại ngân hàng giám sát, không được đầu tư quá bốn mươi chín (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- ▶ Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản sau được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó giá trị chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng:
 - ✓ Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;
 - ✓ Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan và được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;
 - ✓ Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
 - ✓ Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành: có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch và đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
 - ✓ Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro.
- ▶ Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- ▶ Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu chính phủ;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- ▶ Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- ▶ Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- ▶ Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (6) tổ chức phát hành;
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- ▶ Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam; và
- ▶ Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

Trừ 3 trường hợp cuối kể trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- ▶ Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- ▶ Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- ▶ Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- ▶ Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thu tóm các tổ chức phát hành;
- ▶ Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (6) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; và
- ▶ Quỹ đang trong thời gian giải thể.

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán hàng năm

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán giữa niên độ của Quỹ bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 hàng năm.

Kỳ kế toán đầu tiên

Kỳ hoạt động đầu tiên bắt đầu từ ngày 25 tháng 4 năm 2014 (thời điểm cấp Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở) và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Kỳ kế toán giữa niên độ đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày 25 tháng 4 năm 2014 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014.

2.2 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư số 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư số 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183 ("Thông tư số 15") và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ("Thông tư số 181") ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục. Theo đó, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

Do vậy, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, tình hình đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.2 *Tuân thủ*

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB khẳng định báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Quỹ là nhật ký chung.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 *Ước tính kế toán*

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư", phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng được ghi nhận theo giá gốc của các khoản tiền gửi này.
- ▶ Cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các cổ phiếu này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý, các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 183 và Thông tư số 15 về việc thành lập và quản lý quỹ mở và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư của Quỹ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định trong Điều lệ Quỹ và Sổ tay Định giá như sau:

- ▶ Tiền là số dư tiền tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ Ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn được xác định là giá trị tiền gửi cộng lãi chưa thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
- ▶ Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu có thời hạn còn lại tới thời điểm đáo hạn dưới 3 tháng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu:
 - ✓ Đối với công cụ trả lãi: Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
 - ✓ Đối với công cụ không trả lãi: Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán. Trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ của công cụ.
- ▶ Trái phiếu niêm yết

Giá yết cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) cho các giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá cộng lãi lũy kế nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế.

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có các giao dịch với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, là một trong các mức giá sau:

 - ✓ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
 - ✓ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
 - ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

► Trái phiếu chưa niêm yết:

Giá trị trung bình của các giao dịch thực hiện thành công được cung cấp bởi các tổ chức báo giá tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trong trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại diện Quỹ thông qua.

► Cổ phiếu

- i. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội: được đánh giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch Chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trường hợp không có giao dịch trong nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Giá mua; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- ii. Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom: được đánh giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

Trường hợp không có giao dịch trong nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Giá mua; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- iii. Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch được định giá dựa trên:

- ✓ Giá trị trung bình của các giao dịch thực hiện thành công được cung cấp bởi các tổ chức báo giá tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại diện Quỹ thông qua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

- iv. Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch được xác định là một trong các giá sau:
 - ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
 - ✓ Mệnh giá; hoặc
 - ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- v. Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể phá sản được xác định là một trong các mức giá sau:
 - ✓ 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
 - ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- vi. Cổ phần, phần vốn góp khác được định giá là một trong các mức giá sau:
 - ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
 - ✓ Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc
 - ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- *Chứng khoán phái sinh*
 - ✓ Chứng khoán phái sinh niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
 - ✓ Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng hai (02) tuần trở lên được xác định giá theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- *Các tài sản khác*
 - ✓ Là các tài sản được phép đầu tư khác;
 - ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Lãi/(lỗ) do đánh giá lại các khoản đầu tư

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo thu nhập giữa niên độ theo quy định tại Thông tư số 198.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các khoản đầu tư.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 *Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ*

Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV) được xác định bằng tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như khoản phải trả mua chứng khoán, giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ môi giới, giá dịch vụ hành chính, giá dịch vụ định giá...) tại ngày trước ngày định giá.

$NAV = \text{Tổng giá trị tài sản của Quỹ} - \text{Tổng nợ phải trả của Quỹ}$.

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành.

$$uNAV = NAV/N$$

Trong đó:

uNAV: giá trị đơn vị quỹ

N: Tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành.

4.5 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, cổ tức được nhận, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chứng chỉ tiền gửi và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.6 *Các khoản phải trả*

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

4.7 *Dự phòng*

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Quỹ có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Quỹ có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của nhà đầu tư

Vốn góp của nhà đầu tư bao gồm vốn góp theo mệnh giá và thặng dư vốn. Trong đó, thặng dư vốn thể hiện số tiền chênh lệch giữa số tiền thực nhận/ thực trả tính theo giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá của chứng chỉ quỹ.

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam.

Số lượng chứng chỉ quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

Lợi nhuận/ (lỗ) chưa phân phối

Lợi nhuận/ (lỗ) chưa phân phối phản ánh lãi/ (lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận/ (lỗ) chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận/ (lỗ) đã thực hiện trong kỳ là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/ (giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận/ (lỗ) chưa thực hiện trong kỳ là chênh lệch tăng/ (giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận/ (lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/ (lỗ) chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận/ (lỗ) chưa phân phối".

4.9 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Quỹ được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ, tuy nhiên vẫn được cập nhật số lượng cổ phiếu để đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập giữa niên độ khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản theo quy định của pháp luật (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

Giá dịch vụ quản lý

Giá dịch vụ quản lý là 1,5%/ năm tính trên tổng giá trị tài sản ròng và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ cho Quỹ. Số tiền dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng.

Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản lý = 1,5% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ giám sát và lưu ký

Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá.

Giá dịch vụ giám sát và lưu ký được xác định như sau:

Nếu quy mô Quỹ trên 600 tỷ đồng:

Giá dịch vụ lưu ký = 0,05% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Nếu quy mô Quỹ dưới 600 tỷ đồng:

Giá dịch vụ lưu ký = 0,06% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ lưu ký tối thiểu: 17.000.000 VND/ tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ giám sát = 0,035% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ giám sát tối thiểu: 16.000.000 VND/ tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Mức giá dịch vụ lưu ký và giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Mức giá dịch vụ trên không bao gồm các phí – giá dịch vụ thông thường khác như phí ngân hàng lưu ký phải trả cho bên thứ ba như Trung tâm lưu ký, giá giao dịch chứng khoán, giá sửa lệnh..., cụ thể:

Giá giao dịch:	135.000 VND/ giao dịch
Giá sửa lệnh:	315.000 VND/ giao dịch
Giá rút hay gửi sổ chứng khoán:	300.000 VND/ giao dịch

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Chi phí (tiếp theo)

Giá dịch vụ quản trị Quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.

Giá dịch vụ quản trị Quỹ tối đa được tính theo công thức sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ = 0,045% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ quản trị quỹ tối thiểu: 17.000.000 VND/ tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Mức giá dịch vụ tối thiểu trong tháng sẽ được áp dụng cho Quỹ nếu mức giá dịch vụ phải trả theo giá trị tài sản ròng trong tháng ít hơn mức giá dịch vụ tối thiểu đã thống nhất. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ tăng tần suất giao dịch theo quy định tại điểm a mục 1 Điều 15 Điều lệ Quỹ dẫn tới mức giá cho các dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ và đại lý chuyển nhượng tăng lên nhưng vẫn đảm bảo theo khung quy định (nếu có) của luật hiện hành, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo công khai, cập nhật phần thay đổi này vào Bản cáo bạch và công bố thông tin theo quy định pháp luật. Công ty Quản lý Quỹ sẽ cập nhật phần thay đổi này vào Điều lệ Quỹ tại Đại hội thường niên gần nhất.

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm giá cố định hàng tháng là 10.000.000 VND/ tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng; giá dịch vụ đối với giao dịch từ số 401 trở đi trong ngày giao dịch bằng 0,01% giá trị giao dịch, được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ. Chi phí thiết lập, duy trì thông tin, giá dịch vụ kết nối, giá dịch vụ cung cấp thông tin giao dịch, thông tin nhà đầu tư, giá thực hiện quyền được miễn. Mức giá dịch vụ trên chưa bao gồm các giá dịch vụ khác như giá dịch vụ gửi thư cho nhà đầu tư, giá dịch vụ cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác.

Trong mọi trường hợp, tổng giá dịch vụ quản lý quỹ bao gồm giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải đảm bảo tuân thủ mức tối đa 2%/ năm tính trên tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Chi phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định khi ký kết hợp đồng kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

a. Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ, kê khai và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 ("Thông tư số 78") và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư số 111") và các văn bản sửa đổi bổ sung tương ứng do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

b. Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức đầu tư nước ngoài theo Thông tư số 111 và các văn bản sửa đổi và bổ sung, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư số 78.

4.12 Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

4.13 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

5. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
	Giá vốn bình quân giá quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND		Lãi/(lỗ) bán chứng khoán VND
Tổng giá trị bán VND			
	241.783.414.000	254.649.867.949	(12.866.453.949)
	241.783.414.000	254.649.867.949	(12.866.453.949)
Cổ phiếu niêm yết và UpCom			18.184.083.650
			18.184.083.650

6. CHÉNH LỆCH TĂNG/(GIẢM) ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	Giá trị mua theo số kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Giá trị hợp lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND	Chênh lệch điều chỉnh cho kỳ này VND
Cổ phiếu niêm yết và UpCom	127.806.940.094	108.118.729.300	(19.688.210.794)	(39.297.601.543)	19.609.390.749
	127.806.940.094	108.118.729.300	(19.688.210.794)	(39.297.601.543)	19.609.390.749

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Doanh thu từ cổ tức	5.378.710.000	14.554.348.400
Doanh thu từ lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.182.123.287	4.639.456.865
Doanh thu từ chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn	-	1.414.062.500
Doanh thu lãi trái phiếu niêm yết	-	2.358.867.127
	6.560.833.287	22.966.734.892

8. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí giao dịch mua trái phiếu niêm yết	-	8.350.300
Chi phí giao dịch mua cổ phiếu niêm yết và Upcom	59.255.342	670.492.365
Chi phí giao dịch bán cổ phiếu niêm yết và Upcom	362.675.129	181.596.424
	421.930.471	860.439.089

9. THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi thù lao Ban Đại diện Quỹ	60.000.000	62.806.452
Chi hoạt động Ban Đại diện Quỹ	12.969.000	23.845.000
	72.969.000	86.651.452

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Phí ngân hàng	10.724.166	16.568.513
Phí quản lý thường niên	4.958.904	4.958.904
Phí khác	-	473.000
	15.683.070	22.000.417

11. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND cho hoạt động của Quỹ tại:	396.250.314	3.547.549.977
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	396.250.314	3.547.549.977
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống bằng VND (*)	39.000.000.000	166.500.000.000
	39.396.250.314	170.047.549.977

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, tiền gửi có kỳ hạn nằm trong khoản mục tiền gửi ngân hàng bao gồm các khoản tiền gửi có thời hạn dưới 3 tháng với lãi suất 5,50%/ năm.

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

Ngày 30 tháng 6 năm 2019					
	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tăng VND	Chênh lệch đánh giá lại giảm VND	Chênh lệch đánh giá lại VND
Cổ phiếu niêm yết và UpCom	127.806.940.094	108.118.729.300	4.046.774.807	(23.734.985.601)	(19.688.210.794)
	127.806.940.094	108.118.729.300	4.046.774.807	(23.734.985.601)	(19.688.210.794)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018					
	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tăng VND	Chênh lệch đánh giá lại giảm VND	Chênh lệch đánh giá lại VND
Cổ phiếu niêm yết và UpCom	342.953.247.043	303.655.645.500	4.777.862.819	(44.075.464.362)	(39.297.601.543)
	342.953.247.043	303.655.645.500	4.777.862.819	(44.075.464.362)	(39.297.601.543)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND</i>
Phải thu bán cổ phiếu	-	744.416.697
Dự thu cổ tức	456.620.000	-
Dự thu lãi tiền gửi	55.452.055	344.328.765
	512.072.055	1.088.745.462

14. PHẢI TRẢ VỀ MUA CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND</i>
Phải trả tiền mua cổ phiếu	-	294.441.000
	-	294.441.000

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND</i>
Phải trả kiểm toán	87.638.356	44.000.000
Phải trả giá dịch vụ quản lý khác	4.958.904	-
	92.597.260	44.000.000

16. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỜ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND</i>
Phải trả phí quản lý	182.480.306	644.337.337
Phải trả phí dịch vụ lưu ký	17.000.000	25.773.494
Phải trả phí dịch vụ giám sát	17.600.000	17.810.866
Phải trả phí dịch vụ quản trị quỹ	18.700.000	21.263.132
Phải trả phí giao dịch	810.000	1.485.000
	236.590.306	710.669.829

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	<i>Lợi nhuận đã thực hiện VND</i>	<i>Lợi nhuận chưa thực hiện VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	48.330.627.664	7.298.932.918	55.629.560.582
Phát sinh trong năm	53.455.197.321	(46.596.534.461)	6.858.662.860
Lợi nhuận đã phân phối cho nhà đầu tư	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	101.785.824.985	(39.297.601.543)	62.488.223.442
Phát sinh trong kỳ	(9.183.982.073)	19.609.390.749	10.425.408.676
Lợi nhuận đã phân phối cho nhà đầu tư	-	-	-
Ngày 30 tháng 6 năm 2019	92.601.842.912	(19.688.210.794)	72.913.632.118

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

B06g-QM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

19. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019						Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018					
STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	Tăng/ (giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	Tăng/ (giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	
1	01/01/2019	473.742.830.110	32.666.383,48	14.502		01/01/2018	377.650.571.595	26.416.963,90	14.296		(3)
2	03/01/2019	466.701.098.464	32.666.383,48	14.287	(215)	04/01/2018	377.589.998.599	26.416.963,90	14.293		186
3	10/01/2019	464.220.928.509	32.346.886,65	14.351	64	11/01/2018	382.497.765.759	26.416.963,90	14.479		56
4	17/01/2019	456.548.412.340	31.585.114,92	14.455	104	18/01/2018	428.322.335.766	29.467.607,40	14.535		9
5	24/01/2019	440.354.322.312	30.221.849,33	14.571	116	25/01/2018	428.578.611.957	30.979.631,46	14.544		1
6	31/01/2019	426.242.960.553	28.872.383,82	14.763	192	01/02/2018	450.588.050.498	30.979.631,46	14.545		(268)
7	01/02/2019	395.221.574.231	26.817.128,37	14.738	(25)	08/02/2018	442.311.263.246	30.979.631,46	14.277		86
8	07/02/2019	394.421.704.082	26.817.128,37	14.708	(30)	15/02/2018	542.251.321.978	37.754.298,09	14.363		56
9	14/02/2019	404.042.732.202	26.817.128,37	15.067	359	22/02/2018	544.364.432.014	37.754.298,09	14.419		(25)
10	21/02/2019	363.415.581.242	23.988.247,22	15.150	83	01/03/2018	562.579.796.616	39.084.361,83	14.394		18
11	28/02/2019	292.840.411.483	18.956.081,38	15.448	298	08/03/2018	563.296.859.489	39.084.361,83	14.412		163
12	01/03/2019	273.727.402.831	18.101.054,13	15.122	(326)	15/03/2018	618.006.845.854	42.401.131,56	14.575		78
13	07/03/2019	278.604.811.068	18.101.054,13	15.392	270	22/03/2018	621.299.062.931	46.519.627,41	14.552		(101)
14	14/03/2019	257.839.450.704	16.450.996,94	15.673	281	29/03/2018	676.955.177.784	46.519.627,41	14.664		112
15	21/03/2019	233.720.021.694	15.049.136,12	15.530	(143)	01/04/2018	682.159.189.189	46.519.627,41	14.677		13
16	28/03/2019	192.591.123.133	12.659.044,42	15.214	(316)	05/04/2018	682.754.448.802	46.519.627,41	14.614		(62)
17	01/04/2019	184.619.052.471	12.116.529,43	15.237	23	12/04/2018	679.853.438.497	46.519.627,41	14.758		144
18	04/04/2019	185.420.963.954	12.116.529,43	15.303	66	19/04/2018	724.613.278.442	49.098.339,86	14.349		(409)
19	11/04/2019	176.856.577.273	11.779.084,28	15.014	(289)	26/04/2018	704.510.729.555	49.098.339,86	14.307		(42)
20	18/04/2019	175.069.136.545	11.776.355,33	14.866	(148)	01/05/2018	719.846.572.924	50.300.373,70	14.293		(14)
21	25/04/2019	170.171.127.910	11.635.313,74	14.625	(241)	03/05/2018	718.951.701.335	50.300.373,70	14.297		4
22	01/05/2019	169.567.861.080	11.563.594,73	14.664	39	10/05/2018	719.122.692.158	51.171.642,74	14.433		
23	02/05/2019	169.566.966.677	11.563.594,73	14.664	-	17/05/2018	738.566.298.258				

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

B06g-QM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

19. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019										Cho kỳ kế toán kết toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018									
STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND		Tăng/ (giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND		Tăng/ (giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND							
24	09/05/2019	168.579.160.043	11.563.594,73	14.578	(86)		24/05/2018	731.775.737.555	51.171.642,74	14.300	(133)								
25	16/05/2019	169.185.368.346	11.440.905,96	14.788	210		31/05/2018	704.197.507.178	50.604.848,17	13.916	(384)								
26	23/05/2019	159.303.877.907	10.747.327,80	14.823	35		01/06/2018	716.489.371.554	50.604.848,17	14.159	243								
27	30/05/2019	153.020.827.969	10.462.141,25	14.626	(197)		07/06/2018	732.699.093.033	50.604.848,17	14.479	320								
28	01/06/2019	151.638.620.163	10.444.833,57	14.518	(108)		14/06/2018	729.409.648.134	50.604.848,17	14.414	(65)								
29	06/06/2019	148.982.568.252	10.444.833,57	14.264	(254)		21/06/2018	697.396.953.133	49.167.619,66	14.184	(230)								
30	13/06/2019	149.759.084.125	10.394.587,62	14.407	143		28/06/2018	696.955.788.323	49.167.619,66	14.175	(9)								
31	20/06/2019	147.278.083.784	10.322.876,09	14.267	(140)		01/07/2018	684.223.528.603	47.775.812,61	14.322	147								
32	27/06/2019	146.620.770.101	10.266.425,09	14.282	15														
33	01/07/2019	147.697.764.103	10.334.909,08	14.291	9														
Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ:				253.557.198.298							623.398.916.639								
Biến động Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ																			
► Mức cao nhất trong kỳ (VND)				359							(409)								
► Mức thấp nhất trong kỳ (VND)				0							1								

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019 Chứng chỉ quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 Chứng chỉ quỹ
Số lượng	10.334.909,08	32.666.383,48
	10.334.909,08	32.666.383,48

21. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

21.1 Các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND
Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư MB	Công ty Quản lý Quỹ	Phí quản lý (*)	1.882.566.564	4.596.855.311
Ngân hàng TMCP Quân đội	Công ty mẹ của Công ty Quản lý Quỹ	Thu nhập lãi tiền gửi	-	137.621.916
Công ty CP Chứng khoán MB	Bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ/ Đại lý phân phối	Phí môi giới chứng khoán	41.162.767	62.408.442
Ban Đại diện Quỹ		Thù lao Ban Đại diện Quỹ (**)	60.000.000	62.806.452

(*) Phí quản lý là 1,5% giá trị tài sản ròng một năm và có thể thay đổi khi được Đại hội nhà đầu tư phê duyệt.

(**) Ban Đại diện Quỹ được nhận thù lao cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 60.000.000 VND. Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó, Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng và thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng.

Số dư trọng yếu với bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND
Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB	Công ty Quản lý Quỹ	Phí quản lý	182.480.306	644.337.337

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

21.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ được trình bày dưới đây:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Nội dung giao dịch</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND</i>
Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	Ngân hàng Giám sát	Phí dịch vụ ngân hàng lưu ký	108.406.862	161.874.014
		Phí dịch vụ lưu ký thu hộ trung tâm lưu ký chứng khoán	37.368.961	20.606.764
		Phí dịch vụ giám sát	105.600.000	121.891.360
		Phí dịch vụ quản trị Quỹ	112.558.127	151.850.105
		Phí giao dịch chứng khoán	11.640.000	18.900.000
		Phí chuyển tiền, phí khác	10.433.582	15.613.701

Số dư trọng yếu tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày dưới đây:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Nội dung giao dịch</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND</i>
Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi thanh toán	396.250.314	3.547.549.977
		Phí dịch vụ lưu ký phải trả	17.000.000	25.773.494
		Phí dịch vụ giám sát phải trả	17.600.000	17.810.866
		Phí dịch vụ quản trị quỹ phải trả	18.700.000	21.263.132
		Giá giao dịch chứng khoán phải trả	810.000	1.485.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết, các khoản phải thu, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ.

Độ nhạy đối với lãi suất

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong kỳ, Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu niêm yết

Các cổ phiếu và trái phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu niêm yết bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện của Quỹ xem xét và phê duyệt tất cả các quyết định đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu niêm yết.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 108.118.729.300 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm (10.811.872.930) đồng Việt Nam, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng lên 10.811.872.930 đồng Việt Nam.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh toán, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	<i>Không kỳ hạn VND</i>	<i>Dưới 3 tháng VND</i>	<i>Từ 3 đến 12 tháng VND</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm VND</i>	<i>Trên 5 năm VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019						
Phải trả phí cho Đại lý phân phối về mua bán CCQ	-	100.000	-	-	-	100.000
Chi phí phải trả	-	44.000.000	48.597.260	-	-	92.597.260
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	-	236.590.306	-	-	-	236.590.306
	-	280.690.306	48.597.260	-	-	329.287.566
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018						
Phải trả về mua các khoản đầu tư	-	294.441.000	-	-	-	294.441.000
Chi phí phải trả	-	44.000.000	-	-	-	44.000.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	-	710.669.829	-	-	-	710.669.829
	-	1.049.110.829	-	-	-	1.049.110.829

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và những chỉ tiêu liên quan chỉ áp dụng cho phần thuyết minh này. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ vẫn được ghi nhận theo các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Quỹ theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- ▶ ***Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập:***
Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- ▶ ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Quỹ có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:***
 - (i) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
 - (ii) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
 - (iii) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

- ▶ ***Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:***
 - (i) Các tài sản tài chính mà Quỹ có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ để kinh doanh, tại thời điểm ghi nhận ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
 - (ii) Các tài sản tài chính được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
 - (iii) Các tài sản tài chính mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng.
- ▶ ***Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:***
 - (i) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
 - (ii) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
 - (iii) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Quỹ theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- ▶ ***Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo thu nhập***
Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- ▶ ***Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phí phân bổ***
Bao gồm các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là các khoản nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	39.396.250.314	39.451.702.369	170.047.549.977	170.047.549.977
Các khoản đầu tư	127.806.940.094	108.118.729.300	342.953.247.043	303.655.645.500
- Cổ phiếu niêm yết và Upcom	127.806.940.094	108.118.729.300	342.953.247.043	303.655.645.500
Các tài sản khác	456.620.000	456.620.000	1.088.745.462	1.088.745.462
- Phải thu bán chứng khoán	-	-	744.416.697	744.416.697
- Cổ tức được nhận	456.620.000	456.620.000	-	-
- Tài sản có khác	-	-	344.328.765	344.328.765
	167.659.810.408	148.027.051.669	514.089.542.482	474.791.940.939
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả tiền mua các khoản đầu tư	-	-	294.441.000	294.441.000
Phải trả cho Đại lý phân phối	100.000	100.000	-	-
Chi phí phải trả	92.597.260	92.597.260	44.000.000	44.000.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	236.590.306	236.590.306	710.669.829	710.669.829
	329.287.566	329.287.566	1.049.110.829	1.049.110.829

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả nhà cung cấp và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá gốc và lãi dự thu (nếu có) của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi được xác định theo nguyên tắc và phương pháp định giá lại được trình bày tại Thuyết minh số 4.3 – Các khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

STT	Chỉ tiêu	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
I	Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động		
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	1,48%	1,47%
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho NHGS/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,21%	0,10%
3	Tỷ lệ phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,14%	0,70%
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán (nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,03%	0,01%
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,05%	0,02%
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	2,27%	1,97%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ (%) = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra) / Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ/2	58,01%	49,13%
II	Các chỉ tiêu khác		
1	Quy mô quỹ đầu năm		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ	326.663.834.800	264.169.639.000
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ	32.666.383,48	26.416.963,90
2	Thay đổi quy mô quỹ trong kỳ		
	Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ	429.602,55	34.702.355,95
	Giá trị vốn thực huy động thêm trong kỳ (theo mệnh giá)	4.296.025.500	347.023.559.500
	Số lượng chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ	(22.761.076,95)	(13.343.507,24)
	Giá trị vốn thực phải thanh toán trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá)	(227.610.769.500)	(133.435.072.400)
3	Quy mô quỹ cuối kỳ		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ	103.349.090.800	477.758.126.100
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ	10.334.909,08	47.775.812,61
4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan với công ty quản lý quỹ cuối kỳ	6,70%	0,07%
5	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ	39,06%	22,80%
6	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ	0,21%	0,04%
7	Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ, kể cả giao dịch ký danh	310	926
8	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ cuối kỳ	14.291	14.322

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Quỹ và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 yêu cầu phải trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người lập:



Bà Đặng Thị Hồng Hạnh
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Đoàn Kim Dung
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 7 năm 2019